ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11/2014/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 04 tháng 7 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 53/TTr-SXD ngày 16/6/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Lạng Sơn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vy Văn Thành

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng gồm: Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là Uỷ ban nhân dân cấp huyện)

Chương II
PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 3. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng quản lý chất lượng công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật;

2. Sở Giao thông vận tải quản lý chất lượng công trình giao thông;

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;

4. Sở Công Thương quản lý chất lượng công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành.

5. Uỷ ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện các công việc được phân cấp quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này, sử dụng các phòng chuyên môn trực htuộc để thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo phân cấp.

Điều 4. Nội dung quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng: là cơ quan đầu mối giúp Uỷ ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, có trách nhiệm:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

c) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn.

d) Phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành.

đ) Thẩm tra thiết kế sau thiết kế cơ sở đối với công trình do Sở quản lý theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 21, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Điểm a, Khoản 7, Điều 5, Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng "Quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình", trừ các công trình xây dựng được quy định tại Khoản 1, Điều 5, Thông tư số 13/2013/TT-BXD và các công trình do cơ quan chuyên môn của Uỷ ban nhân dân cấp huyện thực hiện thẩm tra thiết kế theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

e) Công bố trên Trang thông tin điện tử do Sở quản lý thông tin năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng công trình trên địa bàn theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

g) Kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng thực hiện thẩm tra thiết kế sau thiết kế cơ sở theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này.

h) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại Điều 39 Nghị định 15/2013/NĐ-CP; theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn. Hướng dẫn chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng lập báo cáo sự cố xảy ra đối với công trình xây dựng đang thi công, sử dụng và vận hành trên địa bàn.

k) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hàng năm trước ngày 10 tháng 12 của năm, báo cáo đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

l) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hằng năm trước ngày 15/12 của năm và đột xuất (dự thảo báo cáo của Uỷ ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Xây dưng theo

mẫu tại Phụ lục 6 kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng); báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình trong quá trình tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

m) Trong quá trình thực hiện, tuỳ theo tình hình thực tế, Sở Xây dựng có trách nhiệm yêu cầu các chủ đầu tư, các tổ chức cá nhân liên quan cung cấp thông tin, số liệu để tổng hợp và lập báo cáo.

n) Lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

2. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

b) Thực hiện thẩm tra thiết kế sau thiết kế cơ sở các công trình xây dựng chuyên ngành theo Điểm b Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP; Điểm b, c, d Khoản 7, Điều 5, Thông tư số 13/2013/TT-BXD. Trừ các công trình được quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 5, Thông tư số 13/2013/TT-BXD và các công trình do cơ quan chuyên môn của Uỷ ban nhân dân cấp huyện thẩm tra quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

c) Kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao của Chủ đầu tư đối với các công trình chuyên ngành thuộc thẩm quyền thẩm tra thiết kế theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này.

d) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm mời Sở Xây dựng tham gia kiểm tra lần cuối công tác nghiệm thu các công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 45, Nghị định sô 15/2013/NĐ-CP.

đ) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu

e) Báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm (trước ngày 05 tháng 12 của năm) và đột xuất về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

(Báo cáo định kỳ theo mẫu tại Phụ lục 01 kèm theo Quy định này).

g) Lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

3. Uỷ ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Uỷ ban nhân dân cấp xã), các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư, cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn; các công trình do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, các công trình do Uỷ ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư

c) Giao các Phòng chuyên môn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán các công trình được phân cấp tại Điểm đ Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao của Chủ đầu tư đối với các công trình được phân cấp tại Điểm đ Khoản 1 Điều 6 Quy định này.

đ) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

e) Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 37, Điều 38 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

g) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành định kỳ hằng năm trước ngày 30/11 của năm và đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

(Báo cáo định kỳ theo mẫu tại Phụ lục 02 kèm theo Quy định này).

h) Quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế xây dựng và hồ sơ hoàn thành công trình thuộc quyền quản lý của Uỷ ban nhân dân cấp huyện theo qui định tại Điều 28 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

Điều 5. Thẩm quyền thẩm tra thiết kế xây dựng công trình của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng

1. Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Uỷ ban nhân dân cấp huyện thực hiện thẩm tra thiết kế xây dựng công trình trên địa bàn theo chuyên ngành quản lý như sau:

a) Sở Xây dựng: Các loại nhà máy xi măng cấp II, cấp III; các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD và trừ các công trình phân cấp cho Uỷ ban nhân dân cấp huyện thẩm tra tại Điểm đ Khoản này.

b) Sở Giao thông vận tải: Các loại công trình quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD và trừ các công trình phân cấp cho Uỷ ban nhân dân cấp huyện thẩm tra tại Điểm đ Khoản này.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Các loại công trình quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD và trừ các công trình phân cấp cho Uỷ ban nhân dân cấp huyện thẩm tra tại Điểm đ Khoản này.

d) Sở Công Thương: Các loại công trình quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ công trình nhà máy xi măng và các công trình quy định tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD và trừ các công trình phân cấp cho Uỷ ban nhân dân cấp huyện thẩm tra tại Điểm đ Khoản này.

đ) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Công trình thuộc đối tượng thẩm tra thiết kế theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, Uỷ ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư và các công trình do UBND cấp huyện cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn:

- Công trình cấp III, cấp IV đối với loại công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Công trình cấp IV đối với công trình giao thông, công trình công nghiệp, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Trường hợp trong một dự án đầu tư xây dựng công trình có nhiều công trình xây dựng có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chủ trì tổ chức thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình của dự án là cơ quan thực hiện thẩm tra thiết kế đối với loại công trình xây dựng chính của dự án.

Điều 6. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng

1. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn được phân công, phân cấp như sau:

a) Sở Xây dựng: Công trình nhà máy xi măng cấp III, cấp II; các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng "Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng" và trừ các công trình quy định tại Điểm đ Khoản này.

b) Sở Công Thương: Các công trình quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ công trình nhà máy xi măng và các công trình quy định tại Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD và trừ các công trình quy định tại Điểm đ Khoản này.

c) Sở Giao thông vận tải: Các công trình quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 3 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD và trừ các công trình quy định tại Điểm đ Khoản này.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Các công trình quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 4 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD và trừ các công trình quy định tại Điểm đ Khoản này.

đ) Uỷ ban nhân dân cấp huyện: Các công trình thuộc đối tượng phải được kiểm tra theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư, do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã

quyết định đầu tư, do Uỷ ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư và các công trình do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp phép xây dựng trên địa bàn:

- Công trình cấp III, cấp IV đối với loại công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Công trình cấp IV đối với công trình giao thông, công trình công nghiệp, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng:

a) Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan kiểm tra công trình, hạng mục công trình chính của dự án đầu tư xây dựng công trình có nhiệm vụ tổ chức kiểm tra tất cả các công trình, hạng mục công trình xây dựng thuộc đối tượng phải được kiểm tra theo quy định tại Điều này của dự án và mời các cơ quan có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra.

b) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm mời Sở Xây dựng tham gia kiểm tra lần cuối công tác nghiệm thu đối với công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều này. Thông báo kết quả kiểm tra phải được gửi đến Sở Xây dựng để tổng hợp, quản lý.

c) Uỷ ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm mời Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Sở Xây dựng: Các loại công trình; Sở Xây dựng chuyên ngành: Loại công trình xây dựng thuộc trách nhiệm quản lý của Sở chuyên ngành) tham gia kiểm tra lần cuối công tác nghiệm thu đối với các công trình xây dựng theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này. Thông báo kết quả kiểm tra phải được gửi đến Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổng hợp theo dõi và quản lý.

Điều 7. Xử lý vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Uỷ ban nhân dân cấp huyện khi phát hiện vi phạm của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng trong quá trình kiểm tra theo quy định tại Điều 24 và Điều 32 Thông tư số 10/2013/TT-BXD, có trách nhiệm xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 34 Thông tư số 10/2013/TT-BXD

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan khắc phục các vi phạm;

b) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đề xuất xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng gửi cơ quan thanh tra Sở Xây dựng.

c) Uỷ ban nhân dân cấp huyện xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng theo thẩm quyền quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng hoặc đề nghị cơ quan thanh tra Sở Xây dựng xử lý.

d) Cơ quan thanh tra Sở Xây dựng có trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo kết quả xử lý tới Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Uỷ ban nhân dân cấp huyện. Trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.

đ) Uỷ ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo kết quả xử lý tới Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

e) Sở Xây dựng có trách nhiệm công bố tên và hành vi vi phạm của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

2. Tạm dừng thi công xây dựng công trình.

a) Giám đốc Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện có quyền tạm dừng thi công xây dựng công trình trên địa bàn trong trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 46 Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

Trong vòng 24 giờ kể từ khi quyết định tạm dừng thi công xây dựng công trình, Thủ trưởng cơ quan nêu trên có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định tạm dừng thi công xây dựng công trình của mình.

b) Thủ trưởng cơ quan quyết định tạm dừng thi công xây dựng công trình có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc khắc phục của chủ đầu tư và các nhà thầu; quyết định cho phép tiếp tục thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Xử lý chuyển tiếp về kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng và công tác thẩm tra thiết kế.

1. Xử lý chuyển tiếp về kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng

Các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Quy định này nhưng đã được Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tiếp nhận báo cáo hoàn thành công trình của chủ đầu tư trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tiếp tục thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo thẩm quyền quy định Khoản 6 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

2. Xử lý chuyển tiếp về thẩm tra thiết kế sau thiết kế cơ sở

Các công trình thuộc thẩm quyền thẩm tra thiết kế của Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Quy định này nhưng đã được Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tiếp nhận hồ sơ trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tiếp tục thực hiện công tác thẩm tra thiết kế theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD.

Điều 9. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Uỷ ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện thẩm tra thiết kế cơ quan quản lý nhà nước được phân công, phân cấp trên đây được chỉ định tổ chức tư vấn thực hiện theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện kiểm tra lần cuối công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng, cơ quan quản lý nhà nước được phân công, phân cấp trên đây được thuê tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia kiểm tra đúng theo quy định.

2. Các nội dung liên quan về quản lý chất lượng công trình không đề cập trong Quy định này, được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, các Thông tư hướng dẫn và các văn bản quy định hiện hành.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vy Văn Thành

Phụ lục số 01

(Kèm theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND, ngày 04 /7/2014 của UBND tỉnh)

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ QLCT CHUYÊN NGÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Lạng Sơn, ngày ..... tháng ..... năm……

BÁO CÁO
Về tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng do Sở ..... quản lý, năm .....

I. Tổng số công trình xây dựng chuyên ngành / dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành (trường hợp dự án có nhiều công trình xây dựng) quản lý(1)

1. Tổng số công trình xây dựng:

Loại công trình	Đang thi công					Đã hoàn thành				
	Cấp công trình chính					Cấp công trình chính				
	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV
Công trình chuyên ngành										
Công trình khác										
Tổng số										

2. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Trung ương:

3. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách địa phương:

4. Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác:

II. Sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng (1)

1. Số lượng sự cố:

Loại công trình	Sự cố cấp đặc biệt nghiêm trọng		Sự cố cấp I		Sự cố cấp II		Sự cố cấp III	
	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng
Chuyên ngành								
Công trình khác								
Tổng số								

2. Mô tả loại sự cố, thiệt hại về công trình, vật chất và về người; đánh giá nguyên nhân và giải quyết sự cố.

III. Tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng:

1. Chất lượng khảo sát, thiết kế (thông qua công tác thẩm tra thiết kế):

a) Số lượng hồ sơ thiết kế công trình được thẩm tra;

b) Chất lượng thiết kế [(2)];

c) Cắt giảm chi phí đầu tư (Số tiền; tỷ lệ% trước và sau thẩm tra) [(3)];

d) Các đánh giá khác.

Trường hợp việc thẩm tra thiết kế công trình được thực hiện bởi tổ chức tư vấn do Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chỉ định thì các thông tin nêu trên căn cứ kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn.

2. Chất lượng thi công xây dựng (thông qua công tác kiểm tra trong thi công và nghiệm thu):

a) Số lượng các công trình được kiểm tra;

b) Chất lượng thi công xây dựng và công tác quản lý chất lượng [(4)]

c) Đánh giá tổng thể chất lượng công trình xây dựng sau khi nghiệm thu (Tốt, Khá, Trung bình)[(5)]

3. Các giải thưởng về chất lượng công trình:

a) Số lượng công trình đạt giải thưởng quốc gia về chất lượng;

b) Số lượng công trình đạt giải thưởng chất lượng cao;

c) Số lượng các nhà thầu được tôn vinh thông qua các giải thưởng.

4. Số lượng các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng vi phạm về quản lý chất lượng bị xử lý vi phạm hành chính và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương.

5. Số lượng các công trình bị đình chỉ thi công xây dựng; đình chỉ khác thác, sử dụng.

IV. Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị:

1. Kết quả kiểm tra chất lượng công trình định kỳ và đột xuất theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 4 Quy định này;

2. Các ý kiến, kiến nghị (nếu có).

Nơi nhận:
- UBND Tỉnh (b/c);
- Sở Xây dựng;
- Lưu: VT,...

GIÁM ĐỐC
(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Các công trình do Sở chuyên ngành quản lý tại phụ lục báo cáo này bao gồm:

- Các công trình xây dựng do TW, UBND Tỉnh quyết định đầu tư hoặc Sở chuyên ngành làm chủ đầu tư;

- Các công trình xây dựng khác được Sở chuyên ngành thẩm tra thiết kế và kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Quyết định này.

(2) Báo cáo về số lượng hồ sơ thiết kế xây dựng công trình không đảm bảo chất lượng hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật do vi phạm một trong các lỗi sau:

- Sai sót trong việc tính toán kết cấu, thiết kế công trình hoặc thể hiện sai trên bản vẽ dẫn tới không đảm bảo an toàn của công trình dẫn đến phải chỉnh sửa thiết kế.

- Vi phạm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho công trình.

- Vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện thiết kế hoặc có nhiều sai sót khác đòi hỏi phải tính toán, chỉnh sửa lại toàn bộ hồ sơ thiết kế.

(3) Cắt giảm chi phí được tính dựa trên dự toán do chủ đầu tư trình:

- Số tiền cắt giảm = Giá trị dự toán do chủ đầu tư trình – Giá trị dự toán sau khi thẩm tra của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

$$\text{- Tỷ lệ cắt giảm (\%)} = \frac{\text{Số tiền cắt giảm}}{\text{Giá trị dự toán do chủ đầu tư trình}} \times 100$$

(4) Báo cáo về số lượng công trình có có chất lượng thi công xây dựng không đạt yêu cầu khi có vi phạm sau:

- Để xảy ra sự cố công trình hoặc các sai sót lớn về chất lượng công trình ảnh hưởng đến an toàn, công năng sử dụng của công trình.

- Vi phạm các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, không đủ cơ sở để được chấp thuận nghiệm thu đưa vào sử dụng.

(5) Đánh giá tổng thể về chất lượng công trình theo các mức độ: Trung bình/ Khá/Tốt cụ thể:

- Chất lượng công trình đạt Tốt nếu được đánh giá từ 85 điểm trở lên.

- Chất lượng công trình đạt Khá nếu được đánh giá từ 70 đến 84 điểm.

- Chất lượng công trình đạt Trung bình nếu điểm đánh giá < 70 điểm nhưng vẫn đủ điều kiện để nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Việc chấm điểm được vận dụng theo Thông tư số 12/2013/TT-BXD ngày 31/7/2013 của Bộ Xây dựng "Ban hành Quy định Tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng".

Phụ lục số 02

(Kèm theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND, ngày 04/7/2014 của UBND tỉnh)

UBND cấp huyện

Số: ……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày …. tháng ….. năm …….

BÁO CÁO
Về tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố/huyện ……..,năm .....

I. Tổng số công trình xây dựng/ dự án đầu tư xây dựng (trường hợp dự án có nhiều công trình xây dựng) đang được thi công xây dựng trên địa bàn

1. Tổng số công trình xây dựng (tất cả các nguồn vốn, trừ nhà ở riêng lẻ) trong kỳ báo cáo[(1)]:

Loại công trình chính	Đang thi công					Đã hoàn thành				
	Cấp công trình chính					Cấp công trình chính				
	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV
Dân dụng										
Công nghiệp										
Giao thông										
Nông nghiệp và PTNT										
Hạ tầng kỹ thuật										
Tổng số										

2. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Trung ương:

3. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách địa phương:

4. Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác:

II. Sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng:

1. Số lượng sự cố:

Loại công trình chính	Sự cố cấp đặc biệt nghiêm trọng		Sự cố cấp I		Sự cố cấp II		Sự cố cấp III	
	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng
Dân dụng								
Công nghiệp								
Giao thông								
Nông nghiệp và PTNT								
Hạ tầng kỹ thuật								
Tổng số								

2. Mô tả loại sự cố, thiệt hại về công trình, vật chất và về người; đánh giá nguyên nhân và giải quyết sự cố.

III. Tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng:

1. Chất lượng khảo sát, thiết kế (thông qua công tác thẩm tra thiết kế):

a) Số lượng hồ sơ thiết kế công trình được thẩm tra;

b) Chất lượng thiết kế [(2)];

c) Cắt giảm chi phí đầu tư (số tiền; tỷ lệ% trước và sau thẩm tra) [(3)];

d) Các đánh giá khác.

Trường hợp việc thẩm tra thiết kế công trình được thực hiện bởi tổ chức tư vấn do cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ định thì các thông tin nêu trên căn cứ kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn.

2. Chất lượng thi công xây dựng (thông qua công tác kiểm tra trong thi công và nghiệm thu):

a) Số lượng các công trình được kiểm tra;

b) Chất lượng thi công xây dựng và công tác quản lý chất lượng [(4)]

c) Đánh giá tổng thể chất lượng công trình xây dựng sau khi nghiệm thu (Tốt, Khá, Trung bình)[(5)]

3. Các giải thưởng về chất lượng công trình:

a) Số lượng công trình đạt giải thưởng quốc gia về chất lượng;

b) Số lượng công trình đạt giải thưởng chất lượng cao;

c) Số lượng các nhà thầu được tôn vinh thông qua các giải thưởng.

4. Số lượng các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng vi phạm về quản lý chất lượng bị xử lý vi phạm hành chính và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương.

5. Số lượng các công trình bị đình chỉ thi công xây dựng; đình chỉ khai thác, sử dụng.

IV. Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị:

1. Kết quả kiểm tra chất lượng công trình định kỳ và đột xuất theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

2. Các ý kiến, kiến nghị (nếu có).

(kèm theo báo cáo này có Danh mục các công trình/ dự án thi công xây dựng trên địa bàn)

Nơi nhận:
- UBND Tỉnh (b/c);
- Sở Xây dựng (b/c);
- Sở quản lý CTXD chuyên ngành (b/c);
- Lưu: VP, ...

TM. UBND CẤP HUYỆN .....
CHỦ TỊCH
(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

(1) Tất cả các công trình trên địa bàn, trừ công trình do Sở quản lý xây dựng chuyên ngành, báo cáo tại phụ lục số 01

(2) Báo cáo về số lượng hồ sơ thiết kế xây dựng công trình không đảm bảo chất lượng hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật do vi phạm một trong các lỗi sau:
- Sai sót trong việc tính toán kết cấu, thiết kế công trình hoặc thể hiện sai trên bản vẽ dẫn tới không đảm bảo an toàn của công trình dẫn đến phải chỉnh sửa thiết kế.
- Vi phạm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho công trình.
- Vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện thiết kế hoặc có nhiều sai sót khác đòi hỏi phải tính toán, chỉnh sửa lại toàn bộ hồ sơ thiết kế.

(3) Cắt giảm chi phí được tính dựa trên dự toán do chủ đầu tư trình:
- Số tiền cắt giảm = Giá trị dự toán do chủ đầu tư trình – Giá trị dự toán sau khi thẩm tra của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

$$\text{- Tỷ lệ cắt giảm (\%)} = \frac{\text{Số tiền cắt giảm}}{\text{Giá trị dự toán do chủ đầu tư trình}} \times 100$$

(4) Báo cáo về số lượng công trình có có chất lượng thi công xây dựng không đạt yêu cầu khi có vi phạm sau:
- Để xảy ra sự cố công trình hoặc các sai sót lớn về chất lượng công trình ảnh hưởng đến an toàn, công năng sử dụng của công trình.
- Vi phạm các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, không đủ cơ sở để được chấp thuận nghiệm thu đưa vào sử dụng.
(5) Đánh giá tổng thể về chất lượng công trình theo các mức độ: Trung bình/ Khá/Tốt cụ thể:
- Chất lượng công trình đạt Tốt nếu được đánh giá từ 85 điểm trở lên.
- Chất lượng công trình đạt Khá nếu được đánh giá từ 70 đến 84 điểm.
- Chất lượng công trình đạt Trung bình nếu điểm đánh giá < 70 điểm nhưng vẫn đủ điều kiện để nghiệm thu đưa vào sử dụng.
Việc chấm điểm được vận dụng theo Thông tư số 12/2013/TT-BXD ngày 31/7/2013 của Bộ Xây dựng "Ban hành Quy định Tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng".

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH/ DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ..../THÀNH PHỐ...

(Kèm theo báo cáo số ..... ngày ..... của UBND huyện..../thành phố...)

STT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng	Cấp Công trình chính	Đang thi công	Hoàn thành	Nhà thầu XD	Tư vấn thiết kế	Quản lý DA	Tư vấn giám sát	Chủ đầu tư	Tổng dự toán (triệu đồng)	Nguồn vốn
I	**Công trình dân dụng**											
1												
...												
II	**Công trình Công nghiệp**											
1												
...												
III	**Công trình Giao thông**											
1												
...												
IV	**Công trình Nông nghiệp và PTNT**											
1												
...												
V	**Công trình Hạ tầng kỹ thuật**											
1												
...												

Ghi chú: Các chữ viết tắt:
- Nguồn vốn: Ngân sách trung ương (TW); ngân sách địa phương (ĐP); nguồn vốn khác (khác)
- Cấp công trình: Đặc biệt (ĐB); I; II; III; IV.